



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1355/TH-TCHC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Cấp nước Tân Hòa thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 đã kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

- Mã chứng khoán: THW
- Trụ sở chính: 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, TP.HCM.
- Địa chỉ liên hệ: 1392 Võ Văn Kiệt, Phường Bình Tiên, TP.HCM.
- Điện thoại: (08) 38 557 977 Website: www.capnuoctanhhoa.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

3. Địa chỉ đăng tải: thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 19/03/2026 tại đường dẫn: www.capnuoctanhua.com.vn

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2025 (đã kiểm toán).

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC
TÂN HÒA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Lê Trọng Thuận

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của JPA International
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	07 – 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 – 30
7. Phụ lục 01 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	31



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty CP Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/10/2010. Trong quá trình hoạt động, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 07/05/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2025 : 50.000.000.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán UpCom với mã chứng khoán là THW.

2. Trữ sở hoạt động

2.1 Trữ sở chính hoạt động

Địa chỉ : 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, T.p Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (08) 3955 5840

Fax : (08) 3955 7977

Mã số thuế : 0310350068

3. Ngành nghề hoạt động

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Chi tiết: quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (mã ngành 3600);

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Chi tiết: tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chi tiết: tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp (trừ giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Xây dựng công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thăm tra thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng;

- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác.

Chi tiết: bán buôn vật tư, phụ tùng, máy móc ngành nước (mã ngành 4659);

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và công trình xây dựng công trình khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (mã ngành 4322);

- Sửa chữa máy móc, thiết bị.

Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đường ống (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (mã ngành 3312);



4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Trần Thị Ngọc Luyến	Chủ tịch	24/04/2025	-
Ông Trần Sĩ Nam	Thành viên	24/04/2025	-
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên	24/04/2025	-
Ông Lê Trọng Thuần	Thành viên	24/04/2025	-
Ông Võ Nhật Trân	Thành viên	24/04/2025	-
Ông Nguyễn Mười	Thành viên	26/01/2022	24/04/2025
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên	16/06/2020	24/04/2025
Ông Lê Minh Châu	Thành viên	16/06/2020	24/04/2025
Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	Thành viên	16/06/2020	24/04/2025

4.2 Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Hoàng Thị Xuân Trang	Trưởng ban	24/04/2025	-
Ông Lê Hà	Thành viên	24/04/2025	-
Bà Nguyễn Phương Anh	Thành viên	24/04/2025	-
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên	16/06/2020	24/04/2025
Bà Trần Thị Châu Giang	Thành viên	16/06/2020	24/04/2025

4.3 Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lê Trọng Thuần	Giám đốc	24/04/2025	-
Ông Nguyễn Mười	Giám đốc	26/01/2022	24/04/2025
Ông Lê Trung Thành	Phó Giám đốc kinh doanh	01/08/2021	-
Ông Nguyễn Trần Lam	Phó Giám đốc	19/04/2022	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Kế toán trưởng	01/01/2025	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lê Trọng Thuần	Giám đốc	24/04/2025	-
Ông Nguyễn Mười	Giám đốc	26/01/2022	24/04/2025

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 31.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



LÊ TRỌNG THUẦN
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2026.



Số: 130361/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty CP Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2026, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty CP Cấp nước Tân Hòa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các Thuyết minh trong Thuyết minh Báo cáo tài chính như sau:

Tại thuyết minh V.17, Công ty đã di dời và hoàn trả bàn giao khu đất tại 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5 (nay là 95 Phạm Hữu Chí, phường Chợ Lớn) (550 m²/2.495 m²) cho Tổng Công ty theo Biên bản bàn giao ngày 27/02/2026.

Tại thuyết minh V.17, đất đặt trụ sở Công ty tại 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, Tp. HCM được sử dụng từ năm 2015, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đất. Trong năm, Công ty vẫn nộp tiền thuê đất theo thông báo chi cục thuế khu vực II, tiền thuê đất phát sinh trong kỳ đã nộp là 273.050.000 đồng.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác phát hành ngày lần lượt là 12 tháng 8 năm 2024 và 14 tháng 3 năm 2025 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2026.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 1512-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Lê Thị Diệu Hiền – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 6307-2023-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		131.646.215.217	110.703.957.179
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	9.943.774.303	8.400.685.103
111	1. Tiền		1.943.774.303	2.400.685.103
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.000.000.000	6.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		36.000.000.000	55.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	36.000.000.000	55.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		72.620.861.881	32.059.473.007
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	66.031.678.315	28.567.570.458
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	2.635.566.627	170.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	3.953.616.939	3.321.902.549
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	12.452.912.176	14.469.482.581
141	1. Hàng tồn kho		12.452.912.176	14.469.482.581
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		628.666.857	774.316.488
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	628.666.857	603.891.565
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	170.424.923
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.711.615.046	7.172.354.185
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		850.000.000	330.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	850.000.000	330.000.000
220	II. Tài sản cố định		5.413.153.160	6.399.208.196
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	2.874.462.541	4.035.897.022
222	- Nguyên giá		24.609.749.876	25.463.992.446
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.735.287.335)	(21.428.095.424)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	2.538.690.619	2.363.311.174
228	- Nguyên giá		10.197.208.000	8.894.824.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.658.517.381)	(6.531.512.826)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		448.461.886	443.145.989
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	385.154.938	376.462.493
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		63.306.948	66.683.496
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		138.357.830.263	117.876.311.364

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		75.403.885.750	56.206.506.991
310	I. Nợ ngắn hạn		75.403.885.750	56.206.506.991
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	41.620.258.654	24.551.589.855
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	1.644.279.184	793.777.016
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	6.647.090.455	3.155.555.188
314	4. Phải trả người lao động	V.13	18.097.045.239	19.824.258.232
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	2.156.733.519	3.798.469.132
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.15	5.238.478.699	4.082.857.568
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.16	62.953.944.513	61.669.804.373
410	I. Vốn chủ sở hữu		62.953.944.513	61.669.804.373
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		93.553.000	93.553.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(27.200.000)	(27.200.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		2.456.713.587	2.058.697.342
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.430.877.926	9.544.754.031
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		10.430.877.926	9.544.754.031
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		138.357.830.263	117.876.311.364

Người lập biểu



HỒ NGỌC PHÔI

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN



Giám đốc



LÊ TRỌNG THUẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	208.462.965.178	179.807.352.160
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		208.462.965.178	179.807.352.160
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	172.992.512.425	147.934.494.823
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.470.452.753	31.872.857.337
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	2.202.969.812	2.525.693.077
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	24.110.134.372	21.711.319.572
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.563.288.193	12.687.230.842
31	11. Thu nhập khác	VI.5	2.712.580.531	2.472.158.670
32	12. Chi phí khác	VI.6	2.277.643.869	2.165.089.512
40	13. Lợi nhuận khác		434.936.662	307.069.158
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.998.224.855	12.994.300.000
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	3.567.346.929	3.449.545.969
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.430.877.926	9.544.754.031
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	785	756

Người lập biểu

HỒ NGỌC PHỐI

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2026

Giám đốc



LÊ TRỌNG THUẦN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		13.998.224.855	12.994.300.000
	2. Điều chỉnh cho các khoản		710.930.079	847.143.061
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.8	2.910.934.636	3.372.836.138
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.200.004.557)	(2.525.693.077)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14.709.154.934	13.841.443.061
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(41.246.974.647)	9.748.647.163
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.019.946.953	530.391.123
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		17.702.285.924	(1.967.038.926)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(33.467.737)	266.124.314
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(3.419.325.225)	(3.176.889.944)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	251.630.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(4.992.316.655)	(4.749.015.711)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(15.260.696.453)	14.745.291.080
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.782.926.568)	(3.434.373.100)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		13.400.120	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	VII.1	(60.000.000.000)	(82.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	VII.2	79.000.000.000	79.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.572.112.101	2.668.323.214
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		19.802.585.653	(3.766.049.886)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.16	(2.998.800.000)	(2.998.800.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.998.800.000)	(2.998.800.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		1.543.089.200	7.980.441.194
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8.400.685.103	420.243.909
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	9.943.774.303	8.400.685.103

Người lập biểu

HỒ NGỌC PHÔI

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2026

Giám đốc



LÊ TRỌNG THUẦN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 07 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Chi tiết: quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (mã ngành 3600);

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Chi tiết: tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chi tiết: tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp (trừ giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Xây dựng công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng;

- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác.

Chi tiết: bán buôn vật tư, phụ tùng, máy móc ngành nước (mã ngành 4659);

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và công trình xây dựng công trình khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (mã ngành 4322);

- Sửa chữa máy móc, thiết bị.

Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đường ống (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (mã ngành 3312);

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính là 312 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 310 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp);
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho khi được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng nội dung dịch vụ chưa hoàn thành hoặc chưa được khách hàng nghiệm thu thanh toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với tài sản.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng có thời gian khấu hao ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các phần mềm máy tính.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính từ 03-08 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (quản lý dịch vụ cung cấp nước sạch, gắn đồng hồ nước, thay đồng hồ nước...)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Các khoản thuế Công ty tính và nộp ngân sách gồm:

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Thông tin bộ phận

Lĩnh vực hoạt động của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	19.141.324	44.591.472
Tiền gửi ngân hàng	1.924.632.979	2.356.093.631
Các khoản tương đương tiền ^(*)	8.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	9.943.774.303	8.400.685.103

^(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5% - 5,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu ngắn hạn của các bên liên quan</i>	63.891.209.589	28.483.132.204
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	63.891.209.589	28.483.132.204
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác</i>	2.140.468.726	84.438.254
Ban QLDA Đầu Tư Xây Dựng Công trình Quận Tân Bình	2.133.121.000	3.688.000
Các đối tượng khác	7.347.726	80.750.254
Cộng	66.031.678.315	28.567.570.458

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	2.635.566.627	170.000.000
- Các đối tượng khác	2.635.566.627	170.000.000
Cộng	2.635.566.627	170.000.000

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	125.962
- Công ty cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV - thu hộ tiền nước	-	125.962
<i>Phải thu các bên khác</i>	3.953.616.939	3.321.776.587
- Tiền thuế GTGT chưa đủ điều kiện được khấu trừ	3.242.957.520	1.845.961.489
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	605.128.768	989.268.494
- Tạm ứng	55.623.099	65.580.634
- Khác	49.907.552	420.965.970
Cộng	3.953.616.939	3.321.902.549

5b. Phải thu dài hạn

Là khoản ký quỹ dài hạn.

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các bên khác</i>	850.000.000	330.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Bitex	520.000.000	-
- Đối tượng khác	330.000.000	330.000.000
Cộng	850.000.000	330.000.000

6. Hàng tồn kho, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng tồn kho	12.452.912.176	-	14.469.482.581	-
- Nguyên liệu, vật liệu	11.876.389.750	-	13.819.712.919	-
- Công cụ, dụng cụ	59.584.106	-	63.239.314	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ⁽¹⁾	516.938.320	-	586.530.348	-
Cộng	12.452.912.176	-	14.469.482.581	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn ^(*)	63.306.948	-	66.683.496	-

^(*) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn dùng để dự phòng sửa chữa hệ thống cấp nước trên địa bàn Công ty quản lý.

⁽¹⁾ Bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí gắn mới đồng hồ nước và thay định kỳ đồng hồ nước – Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	71.217.030	223.151.114
Chi phí giảm thất thoát nước - Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	160.294.018	77.951.962
Công trình xây lắp khác	285.427.272	285.427.272
Cộng	516.938.320	586.530.348

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phần mềm và bảo trì phần mềm	125.414.190	329.800.598
Chi phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe	281.922.411	229.213.238
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	221.330.256	44.877.729
Cộng	628.666.857	603.891.565

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	603.891.565	104.863.636
Tăng trong năm	6.408.586.939	6.597.388.556
Phân bổ trong năm	(6.383.811.647)	(6.098.360.627)
Số cuối năm	628.666.857	603.891.565

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí phần mềm bản quyền	230.836.710	144.483.198
- Khác	154.318.228	231.979.295
Cộng	385.154.938	376.462.493

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	376.462.493	1.141.614.736
Tăng trong năm	353.146.000	514.518.909
Phân bổ trong năm	(344.453.555)	(1.279.671.152)
Số cuối năm	385.154.938	376.462.493

8. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
1. Nguyên giá					
Số đầu năm	612.250.160	10.348.682.050	6.001.794.753	8.501.265.483	25.463.992.446
Tăng trong năm	-	394.059.600	-	186.320.000	580.379.600
Mua trong năm	-	394.059.600	-	186.320.000	580.379.600
Giảm trong năm	-	(821.481.650)	-	(613.140.520)	(1.434.622.170)
Thanh lý, nhượng bán	-	(821.481.650)	-	(613.140.520)	(1.434.622.170)
Số cuối năm	612.250.160	9.921.260.000	6.001.794.753	8.074.444.963	24.609.749.876
Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	612.250.160	8.208.042.400	5.160.467.480	5.219.523.273	19.200.283.313
2. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	612.250.160	8.994.516.807	5.160.844.419	6.660.484.038	21.428.095.424
Tăng trong năm	-	840.340.062	140.221.212	761.252.807	1.741.814.081
Khấu hao trong năm	-	840.340.062	140.221.212	761.252.807	1.741.814.081
Giảm trong năm	-	(821.481.650)	-	(613.140.520)	(1.434.622.170)
Thanh lý, nhượng bán	-	(821.481.650)	-	(613.140.520)	(1.434.622.170)
Số cuối năm	612.250.160	9.013.375.219	5.301.065.631	6.808.596.325	21.735.287.335
3. Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	1.354.165.243	840.950.334	1.840.781.445	4.035.897.022
Số cuối năm	-	907.884.781	700.729.122	1.265.848.638	2.874.462.541

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

9. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
1. Nguyên giá		
Số đầu năm	8.894.824.000	8.894.824.000
Tăng trong năm	1.344.500.000	1.344.500.000
- Mua trong năm	1.344.500.000	1.344.500.000
Giảm trong năm	(42.116.000)	(42.116.000)
- Giảm do hủy	(42.116.000)	(42.116.000)
Số cuối năm	10.197.208.000	10.197.208.000
Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.500.388.000	5.500.388.000
2. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	6.531.512.826	6.531.512.826
Tăng trong năm	1.169.120.555	1.169.120.555
- Khấu hao trong năm	1.169.120.555	1.169.120.555
Giảm trong năm	(42.116.000)	(42.116.000)
- Giảm do hủy	(42.116.000)	(42.116.000)
Số cuối năm	7.658.517.381	7.658.517.381
3. Giá trị còn lại		
Số đầu năm	2.363.311.174	2.363.311.174
Số cuối năm	2.538.690.619	2.538.690.619

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan	25.096.543.712	14.764.735.169
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	25.096.543.712	14.764.475.969
- Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp nước	777.600	259.200
Phải trả ngắn hạn cho các nhà cung cấp khác	16.523.714.942	9.786.854.686
- Công ty TNHH Xây Dựng Và Thương Mại Dịch Vụ An Hưng Thịnh	2.060.064.746	1.385.838.875
- Các đối tượng khác	14.463.650.196	8.401.015.811
Cộng	41.620.258.654	24.551.589.855

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
- Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn TNHH MTV	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	1.644.279.184	793.777.016
- Ban QLDA Đầu Tư Xây Dựng Công trình Quận Tân Bình	792.467.000	-
- Các đối tượng khác	851.812.184	793.777.016
Cộng	1.644.279.184	793.777.016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.039.135.845	-	11.589.785.572	(8.364.462.214)	5.264.459.203	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.116.419.343	-	3.567.346.929	(3.419.325.225)	1.264.441.047	-
- Thuế thu nhập cá nhân		- 170.424.923	2.023.486.145	(1.734.871.017)	118.190.205	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	273.050.000	(273.050.000)	-	-
- Thuế môn bài, thuế khác	-	-	18.768.981	(18.768.981)	-	-
Cộng	3.155.555.188	170.424.923	17.472.437.627	(13.810.477.437)	6.647.090.455	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.998.224.855	12.994.300.000
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.826.814.872	3.468.532.907
+ Chi phí không được trừ	3.826.814.872	3.468.532.907
Thu nhập chịu thuế	17.825.039.727	16.462.832.907
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.565.007.945	3.292.566.581
Truy thu thuế TNDN (*)	2.338.984	156.979.388
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.567.346.929	3.449.545.969

13. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả người lao động	17.195.472.298	18.847.527.398
- Phải trả cán bộ quản lý	901.650.399	976.730.834
Cộng	18.097.045.239	19.824.258.232

Quỹ lương thực hiện năm 2025 được Giám đốc Công ty phê duyệt theo Tờ trình số 1100/TTr-TH-TCHC ngày 05/03/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.070.532.907	525.842.715
- Tổng Cty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Tiền thuê đất	1.051.600.000	525.800.000
- Tổng Cty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Thu hộ tiền nước	18.932.907	42.715
Phải trả các đối tượng khác	1.086.200.612	3.272.626.417
- Cổ tức	7.600.000	7.600.000
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	11.383.000	11.383.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	162.806.730	229.955.334
- Các khoản phải trả khác	904.410.882	3.023.688.083
Cộng	2.156.733.519	3.798.469.132

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
- Quỹ khen thưởng	2.847.228.776	2.882.258.093	-	(2.785.146.000)	2.944.340.869
- Quỹ phúc lợi	1.222.928.792	2.882.258.093	-	(1.811.249.055)	2.293.937.830
- Quỹ thưởng ban điều hành	12.700.000	383.421.600	61.510.000	(457.431.600)	200.000
Cộng	4.082.857.568	6.147.937.786	61.510.000	(5.053.826.655)	5.238.478.699

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Chi tiết xem *Phụ lục 01* đính kèm.**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	65%	32.500.000.000	32.500.000.000
Các cổ đông khác	35%	17.500.000.000	17.500.000.000
Cộng	100%	50.000.000.000	50.000.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	50.000.000.000	50.000.000.000	-
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

16c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	7.600.000	7.600.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	2.998.800.000	2.998.800.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	2.998.800.000	2.998.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận đã thu/(chi) trên lợi nhuận năm trước	2.998.800.000	2.998.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	7.600.000	7.600.000

16d. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.000	2.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000	2.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.998.000	4.998.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.998.000	4.998.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/CP.

16e. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

16f. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2025 như sau:

• Trích thưởng Ban điều hành	:	383.421.600
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	5.764.516.186
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	398.016.245
• Chia cổ tức còn lại cho các cổ đông năm 2024 (6,0%)	:	2.998.800.000
Cộng	:	9.544.754.031

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Tài sản thuê ngoài**

- Công ty đã di dời và hoàn trả bàn giao khu đất tại 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5 (nay là 95 Phạm Hữu Chí, phường Chợ Lớn) (550 m²/2.495 m²) cho Tổng Công ty theo Biên bản bàn giao ngày 27/02/2026.

- Đất đặt trụ sở Công ty tại Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh được sử dụng từ năm 2015, tới thời điểm hiện tại Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đất. Trong kì, Công ty vẫn nộp tiền thuê đất theo thông báo chi cục thuế khu vực II, tiền thuê đất phát sinh trong kì đã nộp là 273.050.000 đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1.1 Tổng doanh thu**

Chi tiết gồm:

	Năm nay	Năm trước
- Dịch vụ phân phối nước sạch	129.283.596.286	125.866.008.927
- Dịch vụ giảm thất thoát nước	20.321.641.394	15.512.160.710
- Lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường	5.634.604.167	6.403.440.798
- Doanh thu gắn đồng hồ nước	2.498.800.269	2.790.200.720
- Doanh thu thay đồng hồ nước	44.365.961.548	28.602.708.230
- Doanh thu thanh lý vật tư	138.181.955	-
- Doanh thu khác	6.220.179.559	632.832.775
Cộng	208.462.965.178	179.807.352.160

**1.2 Doanh thu với các bên liên quan**

Chi tiết gồm:

	Năm nay	Năm trước
- Dịch vụ phân phối nước sạch	129.283.596.286	125.866.008.927
- Dịch vụ giảm thất thoát nước	20.321.641.394	15.512.160.710
- Doanh thu gắn đồng hồ nước	2.498.800.269	2.790.200.720
- Doanh thu thay đồng hồ nước	44.365.961.548	28.602.708.230
- Doanh thu khác	258.387.021	133.635.653
Cộng	196.728.386.518	172.904.714.240

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn quản lý dịch vụ cung cấp nước sạch	94.827.171.868	95.575.499.921
- Giá vốn giảm thất thoát nước	20.339.805.327	15.507.704.018
- Giá vốn lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường ĐHN	4.626.434.750	5.003.854.042
- Giá vốn gắn đồng hồ nước	2.498.800.269	2.790.198.876
- Giá vốn thay ĐHN	44.382.659.361	28.602.697.558
- Giá vốn vật tư	650.850.792	-
- Giá vốn hoạt động khác	5.666.790.058	454.540.408
Cộng	172.992.512.425	147.934.494.823

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.187.972.375	2.512.310.502
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	14.997.437	13.382.575
Cộng	2.202.969.812	2.525.693.077

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	9.990.076.116	9.330.066.278
- Thuế, phí, lệ phí và chi phí thuê đất	278.050.000	229.269.600
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	830.144.700	679.885.534
- Chi phí bằng tiền khác	13.011.863.556	11.472.098.160
Cộng	24.110.134.372	21.711.319.572

5. Thu nhập khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Thu phí đóng mở nước	1.867.165.320	1.600.285.888
- Thanh lý tài sản cố định	12.032.182	-
+ Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	58.450.000	-
+ Chi phí thanh lý TSCĐ	(46.417.818)	-
- Thu nhập từ kiểm định đồng hồ nước	1.002.778	13.036.114
- Thu nhập khác	832.380.251	858.836.668
Cộng	2.712.580.531	2.472.158.670

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6. Chi phí khác

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí đóng mở nước	810.934.203	800.148.612
- Chi phí khác	1.466.709.666	1.364.940.900
Cộng	2.277.643.869	2.165.089.512

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.430.877.926	9.544.754.031
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	(6.507.697.758)	(5.764.516.186)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.923.180.168	3.780.237.845
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	4.998.000	4.998.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	785	756

(*) Trong năm, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 5.764.516.186 đồng theo nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025.

Công ty tạm ước tính Quỹ khen thưởng (60%), phúc lợi (40%) năm 2025 theo tờ trình về việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2025 số 1073/Tr-TH-KTTC ngày 03/03/2026.

**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí vật liệu, đồ dùng	65.978.643.004	40.978.402.818
- Chi phí nhân công	86.070.173.608	83.426.281.692
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.910.934.636	3.372.836.138
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	830.144.700	679.885.534
- Chi phí bằng tiền khác	40.592.308.029	40.035.100.341
Cộng	196.382.203.977	168.492.506.523

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)**1. Tiền chi vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền chi gửi tiết kiệm trên 03 tháng	(60.000.000.000)	(82.000.000.000)
Cộng	(60.000.000.000)	(82.000.000.000)

2. Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác

	Năm nay	Năm trước
Thu hồi tiền gửi tiết kiệm trên 03 tháng	79.000.000.000	79.000.000.000
Cộng	79.000.000.000	79.000.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Công ty không có khoản nợ tiềm tàng nào sẽ phát sinh tính đến thời điểm phát hành báo cáo này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại thời điểm ngày 31/12/2025, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thu nhập từ tiền lương, thưởng thù lao và thu nhập khác của các thành viên quản lý chủ chốt trực tiếp điều hành trong năm:

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
1. Lương, thưởng, thù lao và thu nhập khác của các thành viên quản lý trực tiếp điều hành			
Bà Trần Thị Ngọc Luyến	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	817.572.016	776.647.440
Lê Trọng Thuận	Giám đốc	346.701.965	-
Ông Nguyễn Mười	Miễn nhiệm Giám đốc ngày 24/04/2025	458.775.506	791.681.273
Hoàng Thị Xuân Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	350.065.639	530.467.172
Lê Trung Thành	Phó Giám đốc	604.285.908	561.553.686
Nguyễn Trần Lam	Phó Giám đốc	586.461.549	543.216.490
Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Kế toán trưởng	553.463.554	518.868.693
Cộng		3.717.326.137	3.722.434.754
2. Thù lao của các thành viên quản lý không trực tiếp điều hành			
Nguyễn Thanh Sử	Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị ngày 24/04/2025	20.735.000	66.000.000
Trần Sĩ Nam	Thành viên Hội đồng Quản trị	45.265.000	-
Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị ngày 24/04/2025	20.735.000	66.000.000
Lê Minh Châu	Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị ngày 24/04/2025	20.735.000	66.000.000
Võ Nhật Trân	Thành viên Hội đồng Quản trị	45.265.000	-
Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên Hội đồng Quản trị	45.265.000	-
Trần Thị Thanh Tâm	Miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát ngày 24/04/2025	15.080.000	48.000.000
Trần Thị Châu Giang	Miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát ngày 24/04/2025	15.080.000	48.000.000
Nguyễn Phương Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	32.920.000	-
Lê Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	32.920.000	-
Cộng		294.000.000	294.000.000
3. Thưởng của các thành viên quản lý không trực tiếp điều hành			
Nguyễn Thanh Sử	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 24/04/2025	36.205.056	36.450.000
Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 24/04/2025	36.205.056	36.450.000
Lê Minh Châu	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 24/04/2025	36.205.056	36.450.000
Trần Thị Thanh Tâm	Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát ngày 24/04/2025	9.051.264	9.112.500
Trần Thị Châu Giang	Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát ngày 24/04/2025	9.051.264	9.112.500
Cộng		127.575.000	126.717.696

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Các bên liên quan khác với Công ty gồm:*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	Chủ sở hữu	65%
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Công ty thuộc Tổng Công ty	
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Công ty thuộc Tổng Công ty	

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Doanh thu		
	+ Phân phối nước sạch	129.283.596.286	125.866.008.927
	+ Thay, gắn đồng hồ nước	46.864.761.817	31.392.908.950
	+ Giảm thất thoát nước	20.321.641.394	15.512.160.710
	+ Tư vấn quản lý dự án	258.387.021	133.635.653
	Mua vật tư ngành nước	34.314.759.281	19.113.078.666
	Chia cổ tức	1.950.000.000	1.950.000.000
	Mua dịch vụ	159.995.055	190.160.959
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Thu nhập từ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải	767.883.059	621.975.645
	Mua hàng hóa và dịch vụ	24.418.320	31.598.550
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Mua hàng hóa và dịch vụ	3.690.000	364.000

*Ghi chú: Các giá trị giao dịch mua bán trên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.**Số dư cuối năm của các bên liên quan :*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.3, V.5, V.10, V.11 và V.14.

3. Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của một bên khác vào ngày 31/12/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2026.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



HỒ NGỌC PHÔI



NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN



LÊ TRỌNG THUẬN



PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2		4	6	7
1. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	50.000.000.000	93.553.000	(27.200.000)	1.711.351.778	8.329.629.802	60.107.334.580
2. Tăng trong năm trước	-	-	-	347.345.564	9.544.754.031	9.892.099.595
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	-	9.544.754.031	9.544.754.031
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	347.345.564	-	347.345.564
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(8.329.629.802)	(8.329.629.802)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(347.345.564)	(347.345.564)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.983.484.238)	(4.983.484.238)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.998.800.000)	(2.998.800.000)
4. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	50.000.000.000	93.553.000	(27.200.000)	2.058.697.342	9.544.754.031	61.669.804.373
5. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	50.000.000.000	93.553.000	(27.200.000)	2.058.697.342	9.544.754.031	61.669.804.373
6. Tăng trong năm nay	-	-	-	398.016.245	10.430.877.926	10.828.894.171
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	-	10.430.877.926	10.430.877.926
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	398.016.245	-	398.016.245
7. Giảm trong năm nay	-	-	-	-	(9.544.754.031)	(9.544.754.031)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(398.016.245)	(398.016.245)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(6.147.937.786)	(6.147.937.786)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.998.800.000)	(2.998.800.000)
8. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	50.000.000.000	93.553.000	(27.200.000)	2.456.713.587	10.430.877.926	62.953.944.513

Người lập biểu



HÒ NGỌC PHÔI

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN



LÊ TRỌNG THUẬN

